

Số: 22/2026/NQ-HĐND

Thành phố Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Xét Tờ trình số 9175/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ cho các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế theo quy định được giao tại điểm b khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 28; khoản 3 Điều 29; khoản 2 Điều 39; khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Huế;
- b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Doanh nghiệp thực hiện các dự án, hoạt động đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ số được hưởng chính sách hỗ trợ sau đầu tư; trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ của nhiều chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước thì được lựa chọn một chính sách hỗ trợ cao nhất.

2. Không hỗ trợ đối với các khoản chi đã được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo các chương trình, đề án hoặc chính sách khác của Trung ương và địa phương.

3. Việc giải ngân kinh phí hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở kết quả nghiệm thu, thẩm định hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu chứng minh nội dung chi và kết quả thực hiện.

4. Dự án không hoàn thành, sử dụng sai mục đích hoặc báo cáo không trung thực thì chủ thể phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm và trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Thông tin về các dự án, doanh nghiệp được hỗ trợ được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Huế sau khi có kết quả phê duyệt hoặc báo cáo được cơ quan có thẩm quyền ban hành, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ

- a) Doanh nghiệp thực hiện dự án nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo;

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;

b) Doanh nghiệp có hoạt động đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp;

c) Dự án khởi nghiệp sáng tạo có nhu cầu đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số;

d) Dự án khởi nghiệp sáng tạo có thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số;

đ) Dự án thiết kế chip bán dẫn có nhu cầu đào tạo phát triển nguồn nhân lực thiết kế chip bán dẫn.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Đối với thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao: Doanh nghiệp có hợp đồng lao động hoặc văn bản thỏa thuận hợp tác với nhân sự; nhân sự được thuê phải đáp ứng các tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

b) Đối với đào tạo lao động: Người lao động được đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng đang làm việc tại Doanh nghiệp theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

c) Phát triển nhân lực khởi nghiệp: Các khóa đào tạo ngắn hạn phải liên quan trực tiếp đến nội dung dự án;

d) Đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số: Phải tham gia trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của dự án;

đ) Đối với nhân lực thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn: Doanh nghiệp có hợp tác đào tạo với cơ sở giáo dục, đào tạo; cơ sở thí nghiệm, nghiên cứu khoa học; doanh nghiệp trong, ngoài nước. Nhân lực thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn phải tham gia trực tiếp thực hiện các hoạt động thiết kế, kiểm thử, xác minh, mô phỏng hoặc phát triển sản phẩm vi mạch bán dẫn của dự án;

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao (*gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật*); mức hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng/dự án và không quá 02 người/dự án. Thời gian hỗ trợ là 12 tháng/người/dự án;

b) Hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số của doanh nghiệp: Mức hỗ trợ 10 (mười) triệu đồng/người. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án;

d) Hỗ trợ 50% kinh phí thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số. Mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án;

đ) Hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo ngắn hạn về phát triển nguồn nhân lực thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 4. Hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm;

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn;

c) Doanh nghiệp thực hiện dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có quy mô vốn đầu tư (*không bao gồm tiền thuê đất*) từ 50 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BKHCN ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

c) Dự án tạo ra sản phẩm công nghệ có tiềm năng xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có dự án được cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư*) theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Doanh nghiệp có dự án phù hợp với các quy hoạch của thành phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) và không vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai dự án;

d) Doanh nghiệp có dự án chưa được hỗ trợ từ chính sách khác của thành phố với cùng nội dung hỗ trợ.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư xây dựng nhà máy. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ trực tiếp dự án. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 20% chi phí mua sắm dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 5. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số cho các hoạt động bao gồm:

a) Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm;

b) Tư vấn khởi nghiệp;

c) Mua công nghệ và đổi mới công nghệ.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án có mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số, đổi mới sáng tạo;

b) Dự án có sản phẩm, dịch vụ công nghiệp công nghệ số đã qua giai đoạn nghiên cứu, đang trong giai đoạn thử nghiệm hoặc bắt đầu thương mại hóa.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Dự án khởi nghiệp sáng tạo có tính thực tiễn và có tính đổi mới sáng tạo;

b) Doanh nghiệp cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại thành phố Huế;

c) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thành lập không quá 05 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 70% kinh phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn khởi nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 50% kinh phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 6. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

2. Tiêu chí hỗ trợ

Dự án tập trung vào một trong các lĩnh vực: Nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam: Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

b) Doanh nghiệp có sản phẩm mẫu, thiết kế sở hữu trí tuệ, nền tảng mô phỏng hoặc giải pháp thiết kế chip cụ thể; có kế hoạch thương mại hóa hoặc ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, quốc phòng, nông nghiệp, đô thị thông minh, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT),...

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm (Lab), phần mềm thiết kế chuyên dụng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 40% kinh phí nghiên cứu, vật tư tiêu hao, sản xuất thử nghiệm (Fabless) và đăng ký sở hữu trí tuệ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án;

c) Hỗ trợ 30% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ phục vụ nghiên cứu và kiểm thử. Mức hỗ trợ tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 7. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

1. Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử.

2. Tiêu chí hỗ trợ

a) Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp (*sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, vật tư, hóa chất, linh kiện, khuôn mẫu đặc chủng*) phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn;

b) Dự án sản xuất thiết bị điện tử, vi mạch sử dụng chip bán dẫn được sản xuất tại Việt Nam;

c) Sản phẩm của doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành bán dẫn, điện tử.

d) Dự án có khả năng thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng, tăng tỷ lệ nội địa hóa hoặc hỗ trợ trực tiếp các dự án thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử chip bán dẫn trong nước; có hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trong và ngoài nước;

đ) Dự án góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh công nghiệp của thành phố, chuyển giao công nghệ tiên tiến hoặc có sản phẩm có khả năng thay thế nhập khẩu.

3. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP;

b) Doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, thiết kế hoặc sản xuất trong lĩnh vực vi mạch - điện tử; có chuyên gia chuyên ngành điện tử, công nghệ thông tin, vật liệu bán dẫn hoặc cơ điện tử; đội ngũ quản lý có kinh nghiệm triển khai dự án công nghệ cao.

4. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ 50% kinh phí thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, vật tư tiêu hao để sản xuất sản phẩm mẫu đầu tiên (First Article) gửi đối tác thẩm định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án;

b) Hỗ trợ 30% kinh phí mua sắm dây chuyền, thiết bị mới, bản quyền công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, độ chính xác của sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/dự án.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết);

b) Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ (Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 8. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này tại Trung tâm phục vụ Hành chính công thành

phổ (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia).

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện.

3. Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định hỗ trợ, tổ chức thực hiện chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng chính sách. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, Kỳ họp lần thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính; Khoa học và Công nghệ;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Đức Tiến

Phụ lục

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số
Mẫu số 02	Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số
Mẫu số 03	Đơn đề nghị hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ số
Mẫu số 04	Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ số
Mẫu số 05	Đơn đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số
Mẫu số 06	Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số
Mẫu số 07	Đơn đề nghị hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn
Mẫu số 08	Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn
Mẫu số 09	Đơn đề nghị hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn
Mẫu số 10	Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

Mẫu số 01. Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượng (người/khóa)	Tổng chi phí thực tế (đồng)	Mức hỗ trợ quy định	Số tiền đề nghị hỗ trợ (đồng)
1	Hỗ trợ chi phí thuê nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao	... người		50% chi phí thuê nhân lực, không quá 02 người/dự án (tối đa 20 triệu đồng/người/tháng)	
2	Hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số của doanh nghiệp	... người		10 triệu đồng/người (tối đa 100 triệu đồng/dự án)	
3	Hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển nhân lực khởi nghiệp	... dự án		50% kinh phí (đổi đa 50 triệu đồng/dự án)	
4	Hỗ trợ kinh phí thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số	... dự án		50% kinh phí (đổi đa 01 tỷ đồng/dự án)	

5	Hỗ trợ kinh phí đào tạo ngắn hạn về phát triển nguồn nhân lực thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn	... dự án		50% kinh phí (đổi đa 50 triệu đồng/dự án)	
	TỔNG CỘNG				

III. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết các hồ sơ, chứng từ cung cấp là hoàn toàn trung thực.
2. Cam kết nhân sự được hỗ trợ đang làm việc thực tế tại dự án.
3. Đối với đào tạo lao động: Cam kết sử dụng lao động sau đào tạo.
4. Doanh nghiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả kinh phí nếu vi phạm.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN/DOANH NGHIỆP

1. Tên đơn vị chủ trì:
2. Tên dự án:
(Ghi đúng tên dự án trong Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3. Địa điểm thực hiện:
4. Loại hình dự án (Đánh dấu X vào ô phù hợp):
- ☐ Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm.
 - ☐ Dự án chip bán dẫn.
 - ☐ Hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI).

II. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT

(Doanh nghiệp chỉ kê khai các mục đề nghị hỗ trợ tương ứng với Đơn đề nghị)

MỤC A. THUÊ NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO¹

1. Thông tin nhân sự đề nghị hỗ trợ: (Tối đa 02 người/dự án)

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh/Vị trí công việc	Mức lương ký HĐ (đồng/tháng)
1				
2				

2. Giải trình đáp ứng tiêu chuẩn chuyên gia:

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chúng tôi giải trình năng lực của nhân sự như sau:

*** Đối với nhân sự thứ nhất (Ông/Bà ...):**

- Bằng cấp/Chứng chỉ:
- Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ số/bán dẫn:
- Các dự án công nghệ đã chủ trì hoặc tham gia:
.....
.....
- Thành tích/Giải thưởng khoa học công nghệ (nếu có):

¹ (Áp dụng cho trường hợp thuê chuyên gia, nhân lực theo điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này).

* **Đối với nhân sự thứ hai (Ông/Bà...):**

3. Nhiệm vụ cụ thể:

(Mô tả công việc chuyên gia thực hiện tại thành phố Huế: Ví dụ: Thiết kế kiến trúc phần mềm, chuyển giao công nghệ lõi, đào tạo...)

.....

MỤC B. ĐÀO TẠO CHO LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch đào tạo:

* Tên khóa đào tạo/Nghề đào tạo:

* Đơn vị liên kết đào tạo (nếu có):

- Thời gian đào tạo: Từ đến

- Tổng kinh phí đào tạo thực tế:

2. Giải trình về nhân sự tham gia:

- Tổng số lao động được đào tạo: người.

- Số lượng lao động là người địa phương: người.

3. Cam kết sử dụng lao động:

- Chúng tôi đã ký hợp đồng làm việc với số lao động trên từ ngày:

- Thời hạn hợp đồng:

- Vị trí làm việc sau đào tạo:

MỤC C. THU HÚT NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO, NHÂN TÀI ²

1. Thông tin nhân sự đề nghị hỗ trợ:

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh/Vị trí công việc	Mức lương ký HĐ (đồng/tháng)
1				
2				
3				

2. Giải trình đáp ứng tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao, nhân tài:

Căn cứ Nghị định số 249/2025/NĐ-CP, chúng tôi giải trình năng lực của nhân sự như sau:

* **Đối với nhân sự thứ nhất (Ông/Bà ...):**

o Bằng cấp/Chứng chỉ:

o Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ số/bán dẫn:

² (Áp dụng cho trường hợp thu hút nhân lực chất lượng cao, nhân nhân tài theo điểm d khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này)

- o Các dự án công nghệ đã chủ trì hoặc tham gia:
- o Thành tích/Giải thưởng khoa học công nghệ (nếu có):
- * **Đối với nhân sự thứ hai (Ông/Bà...):**

3. Nhiệm vụ cụ thể:

(Mô tả công việc chuyên gia thực hiện tại thành phố Huế: Ví dụ: Thiết kế kiến trúc phần mềm, chuyển giao công nghệ lõi, đào tạo đội ngũ kế cận...)

MỤC D. ĐÀO TẠO NGẮN HẠN VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN THIẾT KẾ BÁN DẪN

1. Năng lực nhân sự và quản lý

a) Tổng số nhân sự hiện có của dự án: người.

b) Số lượng kỹ sư, chuyên gia chuyên ngành (Vi mạch, Điện tử, CNTT): người (Liệt kê danh sách hoặc tham chiếu phụ lục đính kèm, đảm bảo tối thiểu 05 người theo quy định).

c) Năng lực đội ngũ quản lý: (Mô tả kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án và các quản lý cấp cao trong lĩnh vực công nghệ cao).

2. Hợp tác liên kết

Mô tả các hoạt động hợp tác với Viện, Trường, Doanh nghiệp đối tác (kèm theo minh chứng Hợp đồng/MOU):

III. TÀI LIỆU CHỨNG MINH

1. Thuê nhân lực chất lượng cao: Hợp đồng lao động; hồ sơ chứng minh năng lực chuyên gia (bằng cấp, lý lịch khoa học) đáp ứng Nghị định số 249/2025/NĐ-CP; bảng lương và chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

2. Đào tạo nghề: Danh sách học viên; hợp đồng đào tạo; hợp đồng lao động ký kết sau đào tạo; hóa đơn, chứng từ thanh toán chi phí đào tạo.

3. Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số: Hợp đồng lao động; hồ sơ chứng minh năng lực nhân lực công nghiệp chất lượng cao, nhân tài (bằng cấp, lý lịch khoa học) đáp ứng Nghị định số 249/2025/NĐ-CP; bảng lương và chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

4. Nhân sự thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn: Danh sách trích ngang đội ngũ kỹ sư, chuyên gia. Kèm theo bản sao bằng cấp chuyên môn (lĩnh vực thiết kế vi mạch, điện tử, CNTT...), hợp đồng lao động để chứng minh nhân sự thuộc doanh nghiệp.

IV. HIỆU QUẢ DỰ KIẾN CỦA NGUỒN NHÂN LỰC ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Về mặt kỹ thuật/công nghệ: (Ví dụ: Làm chủ được công nghệ thiết kế mới, vận hành dây chuyền tự động hóa, giảm thiểu lỗi sản phẩm...)

.....

2. Về mặt kinh tế - xã hội: (Ví dụ: Tạo việc làm ổn định cho lao động địa phương, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...)

.....

V. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết các thông tin kê khai trong bản thuyết minh này là đúng sự thật.
2. Cam kết nhân sự (chuyên gia/lao động) được đề nghị hỗ trợ đang làm việc thực tế tại dự án.
3. Cam kết thực hiện đúng quy định hoàn trả kinh phí nếu sử dụng sai mục đích hoặc không hoàn thành dự án theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết này.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. Đơn đề nghị hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ số.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ SỐ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Đơn vị điền thông tin vào các mục tương ứng)

STT	Hạng mục đầu tư	Giá trị quyết toán/nghiệm thu (đồng)	Tỷ lệ hỗ trợ	Số tiền đề nghị hỗ trợ (đồng)	Giới hạn tối đa (Tỷ đồng)
1	Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy.		30%		2,5
2	Chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ trực tiếp dự án.		30%		5
3	Chi phí mua sắm dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa.		20%		10
	TỔNG CỘNG				

III. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết dự án có tổng vốn đầu tư (không bao gồm tiền đất) đạt từ 50 tỷ đồng trở lên.

2. Cam kết sử dụng tối thiểu 50% lao động là người có đăng ký thường trú tại thành phố Huế khi đi vào hoạt động ổn định.

3. Cam kết chưa nhận hỗ trợ từ chính sách nào khác của thành phố cho cùng nội dung này.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ dự án sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ số.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án đầu tư:
(Ghi chính xác theo Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm thực hiện dự án:
4. Mục tiêu dự án:
(Ví dụ: Sản xuất linh kiện điện tử, lắp ráp chip bán dẫn, xây dựng trung tâm dữ liệu AI...)
5. Quy mô dự án:
- Công suất thiết kế:
 - Diện tích đất sử dụng: m².

II. ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (theo khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

1. Về quy mô vốn đầu tư:
- Tổng vốn đầu tư của dự án: đồng.
 - Chi phí thuê đất (nếu có): đồng.
 - Vốn đầu tư (không bao gồm tiền thuê đất): đồng.
(Yêu cầu: Phải từ 50 tỷ đồng trở lên)
2. Về công nghệ sử dụng:
- Mô tả dây chuyền công nghệ chính:
 - Giải trình tính tiên tiến/phù hợp:
 - o ☐ Thuộc Danh mục công nghệ/thiết bị bán dẫn khuyến khích đầu tư (theo Thông tư số 32/2025/TT-BKHCHN).
 - o ☐ Là dây chuyền máy móc, thiết bị công nghệ cao, tự động hóa (liệt kê tên các máy móc, thiết bị chủ lực thể hiện tính chất này).
 - Về sản phẩm đầu ra:
 - Tên sản phẩm chính:
 - Đánh giá giá trị gia tăng của sản phẩm:
 - Tiềm năng thị trường:

- o [] Có tiềm năng xuất khẩu (thị trường dự kiến:).
- o [] Có khả năng thay thế hàng nhập khẩu.

III. ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ (theo khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

1. Về pháp lý dự án:

- Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận ĐKĐT số:
Do cơ quan: Cấp ngày:
- Tình trạng pháp lý về đất đai (đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính?):

2. Về cam kết sử dụng lao động địa phương:

- Tổng số lao động dự kiến khi hoạt động ổn định: người.
- Số lượng lao động là người địa phương (có đăng ký thường trú tại thành phố Huế): người.
- Tỷ lệ lao động địa phương: % (yêu cầu: Tối thiểu 50%).

3. Về tính không trùng lặp:

- Doanh nghiệp cam kết hạng mục đề nghị hỗ trợ này chưa được nhận hỗ trợ từ bất kỳ chính sách nào khác của thành phố Huế.

IV. CHI TIẾT HẠNG MỤC ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (theo khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

(Doanh nghiệp giải trình chi tiết cho các hạng mục đã tích chọn trong Đơn đề nghị)

1. Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng: (Hỗ trợ 30%, tối đa 2,5 tỷ đồng).

- Diện tích san lấp thực tế: m².
- Đơn giá san lấp (theo dự toán/quyết toán được duyệt):
- Tổng chi phí san lấp: đồng.
- **Số tiền đề nghị hỗ trợ:** đồng.

2. Hỗ trợ chi phí hạ tầng kỹ thuật: (Hỗ trợ 30%, tối đa 10 tỷ đồng)

- Gồm các hạng mục (liệt kê chi tiết: Hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, chiếu sáng...):

o Hạng mục A: Giá trị: đồng.

o Hạng mục B: Giá trị: đồng.

- Tổng chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật: đồng.
- **Số tiền đề nghị hỗ trợ:** đồng.

3. Hỗ trợ chi phí trang thiết bị máy móc: (Hỗ trợ 20%, tối đa 15 tỷ đồng)

- Danh mục máy móc, thiết bị công nghệ cao/tự động hóa đề nghị hỗ trợ:
(Kèm theo Bảng kê chi tiết gồm: Tên thiết bị, model, nước sản xuất, năm sản xuất, giá trị).

- Tổng giá trị mua sắm: đồng.

- Số tiền đề nghị hỗ trợ: đồng.

V. TÀI LIỆU CHỨNG MINH

1. Hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng được phê duyệt.

2. Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng mua sắm máy móc/xây dựng.

3. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục.

VI. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN

1. Đóng góp vào ngân sách địa phương (dự kiến/năm):

2. Giải quyết việc làm (số lượng, thu nhập bình quân):

3. Tác động lan tỏa (thúc đẩy các ngành dịch vụ, phụ trợ khác):

VII. CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cam kết số liệu tài chính, hồ sơ chứng từ (hợp đồng, hóa đơn, biên bản nghiệm thu) là trung thực, chính xác.

2. Cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, nếu sai phạm xin hoàn trả toàn bộ và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Cam kết duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương theo đúng quy định.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05. Đơn đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRONG
CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

II. BẢNG TÍNH TOÁN KINH PHÍ:

STT	Nội dung	Chi phí thực tế	Tỷ lệ hỗ trợ	Đề nghị hỗ trợ	Tối đa
1	Kinh phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm		70%		200 triệu đồng
2	Kinh phí tư vấn khởi nghiệp		100%		40 triệu đồng
3	Kinh phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ		50%		100 triệu đồng

CAM KẾT: Cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại thành phố Huế tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:
2. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp lần đầu:

(Lưu ý: Doanh nghiệp phải thành lập không quá 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ)

3. Người đại diện theo pháp luật:
4. Tên dự án khởi nghiệp:
5. Lĩnh vực công nghệ áp dụng:

(Ví dụ: Big Data, AI, Blockchain, IoT, Fintech, Edtech, E-commerce...)

II. ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ (theo khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

1. Mô hình kinh doanh và Công nghệ cốt lõi:

- Mô tả sản phẩm/dịch vụ:
- Công nghệ số cốt lõi: (Giải trình rõ yếu tố công nghệ tạo nên sự khác biệt, tính mới của sản phẩm)
- Mô hình tạo doanh thu: (Bán sản phẩm, thu phí thuê bao, phí dịch vụ...)

2. Giai đoạn phát triển của sản phẩm: (Đánh dấu X vào ô phù hợp và mô tả chi tiết)

☐ Giai đoạn thử nghiệm (Beta): Đã hoàn thành nghiên cứu, đang chạy thử nghiệm nội bộ hoặc nhóm nhỏ khách hàng.

☐ Giai đoạn thương mại hóa: Đã có sản phẩm hoàn thiện, bắt đầu bán ra thị trường.

- Mô tả hiện trạng:

3. Tiềm năng tăng trưởng và giải quyết vấn đề thực tiễn:

- Bài toán thực tiễn: Dự án giải quyết vấn đề gì của thành phố Huế hoặc thị trường? (Ví dụ: Chuyển đổi số nông nghiệp, quản lý du lịch thông minh, giáo dục trực tuyến...)

- Quy mô thị trường mục tiêu:

- Dự kiến doanh thu (03 năm tới):

- o Năm 1: đồng.
- o Năm 2: đồng.
- o Năm 3: đồng.

III. ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ (theo khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

1. Địa bàn triển khai: Dự án được triển khai tại
(thuộc địa bàn thành phố Huế).

2. Cam kết hoạt động: Doanh nghiệp cam kết duy trì hoạt động tại thành phố Huế tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

IV. CHI TIẾT NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (theo khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

1. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D), sản xuất thử nghiệm: (Hỗ trợ 70%, tối đa 300 triệu đồng/dự án)

- Nội dung thực hiện: (Mua vật tư, thuê thiết bị kiểm thử, gia công khuôn mẫu...).

- Tổng chi phí thực tế: đồng.

- Số tiền đề nghị hỗ trợ: đồng.

2. Chi phí tư vấn khởi nghiệp:

(Hỗ trợ 100%, tối đa 40 triệu đồng/dự án)

- Nội dung tư vấn:

o ☐ Tư vấn pháp lý.

o ☐ Tư vấn tài chính, kế toán.

o ☐ Tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Đơn vị tư vấn:

- Số tiền đề nghị hỗ trợ: đồng.

3. Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ: (Hỗ trợ 50%, tối đa 100 triệu đồng/dự án) • Nội dung mua sắm: (Mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, bằng sáng chế).

- Tổng chi phí thực tế: đồng.

- Số tiền đề nghị hỗ trợ: đồng.

V. TÀI LIỆU CHỨNG MINH

1. Hợp đồng tư vấn, hợp đồng chuyển giao công nghệ.
2. Chứng từ chi phí R&D, sản xuất thử nghiệm.

VI. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG KINH PHÍ VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN

1. Kế hoạch giải ngân: (Nêu rõ thời gian dự kiến thực hiện các hạng mục).
2. Kết quả đầu ra dự kiến sau khi nhận hỗ trợ: (Ví dụ: Hoàn thiện phiên bản 2.0; được cấp bằng sáng chế; đạt 1.000 người dùng...)

VII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Chúng tôi cam kết các thông tin kê khai là trung thực.
2. Cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích đã thuyết minh.
3. Nếu dự án không hoàn thành hoặc báo cáo không trung thực, chúng tôi xin hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 07. Đơn đề nghị hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN DỰ ÁN THIẾT
KẾ CHIP BÁN DẪN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:

II. THÔNG TIN DỰ ÁN:

1. Tên dự án:
2. Địa điểm thực hiện:
3. Lĩnh vực hoạt động: (Thiết kế vi mạch/Kiểm thử/R&D...)

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ

STT	Nội dung	Chi phí thực tế	Tỷ lệ hỗ trợ	Đề nghị hỗ trợ	Tối đa
1	Hỗ trợ kinh phí mua sắm thiết bị phòng thí nghiệm (Lab), phần mềm thiết kế chuyên dụng.		50%		Tối đa không quá 5 tỷ đồng
2	Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, vật tư tiêu hao, sản xuất thử nghiệm (Fabless) và đăng ký sở hữu trí tuệ.		40%		Tối đa không quá 2,5 tỷ đồng

3	Hỗ trợ kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ phục vụ nghiên cứu và kiểm thử.		30%		Tối đa không quá 5 tỷ đồng
---	---	--	-----	--	----------------------------

Chúng tôi cam kết nội dung kê khai là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 08. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn

I. NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ VÀ SẢN PHẨM

1. Mô tả sản phẩm/giải pháp thiết kế chip của dự án:
2. Tình trạng sở hữu trí tuệ (Bằng sáng chế, giải pháp hữu ích đã đăng ký):
.....
3. Kế hoạch thương mại hóa hoặc ứng dụng sản phẩm (trong quốc phòng, nông nghiệp, AI, IoT...):

II. HỢP TÁC LIÊN KẾT

Mô tả các hoạt động hợp tác với Viện, Trường, Doanh nghiệp đối tác (kèm theo minh chứng Hợp đồng/MOU):

IV. TÀI LIỆU CHỨNG MINH

1. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP (hồ sơ năng lực, các hợp đồng tương tự đã thực hiện...).
2. Hồ sơ năng lực công nghệ: Tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ, bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích liên quan đến thiết kế chip; Tài liệu mô tả sản phẩm mẫu (Prototype), nền tảng mô phỏng hoặc giải pháp thiết kế cụ thể.
3. Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp đã hoạt động trên 02 năm) hoặc phương án tài chính khả thi của dự án.
4. Bảng kê chi tiết các hạng mục chi phí đề nghị hỗ trợ (mua sắm trang thiết bị phòng thí nghiệm (Lab), phần mềm bản quyền, chi phí R&D, sản xuất thử nghiệm...).
5. Bản sao hợp lệ các Hợp đồng kinh tế, Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản bàn giao, nghiệm thu, Chứng từ thanh toán qua ngân hàng và các tài liệu khác liên quan đến các hạng mục đề nghị hỗ trợ (để chứng minh chi phí thực tế đã bỏ ra).

V. HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tác động đến chuỗi cung ứng bán dẫn tại thành phố Huế:
2. Khả năng mở rộng quy mô và doanh thu dự kiến:

VI. BẢNG KÊ CHI PHÍ ĐẦU TƯ THỰC TẾ

(Liệt kê chi tiết các hóa đơn, chứng từ tương ứng với hạng mục đề nghị hỗ trợ)

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu Hóa đơn/Chứng từ	Ngày tháng	Giá trị (Đồng)	Ghi chú
1	Chi phí thiết bị phòng thí nghiệm (Lab), phần mềm				
1.1	Mua phần mềm thiết kế Synopsys/Cadence...				

...	...				
2	Chi phí R&D, sản xuất thử nghiệm				
...	...				

VII. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết sở hữu hợp pháp đối với các thiết kế và tài sản trí tuệ hình thành từ dự án.

2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ và chứng từ thanh toán.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 09. Đơn đề nghị hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP THAM GIA CHUỖI CUNG ỨNG BÁN DẪN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:
2. Mã số thuế:
3. Địa chỉ:
4. Đại diện pháp luật: Chức vụ:
5. Số tài khoản: Tại Ngân hàng:
Lưu ý: Tổng mức hỗ trợ các nội dung không quá 05 tỷ đồng/dự án.

II. NỘI DUNG HỖ TRỢ

STT	Nội dung	Chi phí thực tế	Tỷ lệ hỗ trợ	Đề nghị hỗ trợ	Tối đa
1	Kinh phí thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, vật tư tiêu hao để sản xuất sản phẩm mẫu (First Article) gửi đối tác thẩm định.		50%		2,5 tỷ đồng
2	Kinh phí mua sắm dây chuyền, thiết bị mới, bản quyền công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, độ chính xác của sản phẩm.		30%		2,5 tỷ đồng
	TỔNG CỘNG				

CAM KẾT: Cam kết sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và cung cấp cho chuỗi cung ứng bán dẫn/điện tử.

Chúng tôi cam kết nội dung kê khai là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 10. Bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn

I. NĂNG LỰC KỸ THUẬT VÀ NHÂN SỰ

1. Đội ngũ kỹ thuật:

- Tổng số kỹ sư chuyên ngành (Điện tử/CNTT/Vật liệu/Cơ điện tử):..... người.

- Trình độ (Thạc sĩ/Kỹ sư...):..... (Kèm danh sách chi tiết tại Phụ lục)

2. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (ISO 9001/IATF 16949...):

Tổ chức cấp: Hiệu lực đến:

II. SẢN PHẨM VÀ VỊ TRÍ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

1. Mô tả sản phẩm: (Nêu rõ là vật tư, khuôn mẫu hay thiết bị điện tử; thông số kỹ thuật chính đáp ứng chuẩn ngành bán dẫn)

2. Đối tác tiêu thụ/liên kết:

o Tên đối tác (Doanh nghiệp bán dẫn/điện tử):

o Hình thức hợp tác (Hợp đồng cung ứng/MOU/Chuyển giao công nghệ):

o Kết quả thẩm định sản phẩm mẫu (nếu có):

III. BÁO CÁO CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ

(Giải trình chi tiết cho nội dung đề nghị hỗ trợ)

1. Về khuôn mẫu và sản phẩm mẫu (nếu có):

- Loại khuôn mẫu/sản phẩm:

- Đơn vị chế tạo/gia công:

2. Về thiết bị và công nghệ mới đầu tư (nếu có):

- Tên dây chuyền/thiết bị:

- Xuất xứ/Năm sản xuất:

- Mục tiêu: (Nâng cao độ chính xác/Tăng năng suất...)

IV. TÀI LIỆU CHỨNG MINH

1. Hồ sơ nhân sự kỹ thuật: Danh sách trích ngang và bản sao bằng cấp của tối thiểu 05 kỹ sư, chuyên gia thuộc các chuyên ngành điện tử, CNTT, vật liệu bán dẫn hoặc cơ điện tử; kèm theo Hợp đồng lao động.

2. Tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm phụ trợ, vật tư, hóa chất, linh kiện hoặc thiết bị điện tử của dự án; bằng chứng chứng minh sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành bán dẫn.

3. Báo cáo tài chính hoặc hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.

4. Đối với hỗ trợ chi phí sản xuất mẫu thử và khuôn mẫu:

- Hợp đồng thiết kế/chế tạo khuôn mẫu; Hóa đơn mua vật tư tiêu hao.
- Biên bản bàn giao sản phẩm mẫu (First Article) và tài liệu xác nhận/thẩm định của đối tác khách hàng về sản phẩm mẫu.

5. Đối với hỗ trợ chi phí kiểm định và chứng nhận chất lượng:

- Hợp đồng với đơn vị đo kiểm, cấp chứng nhận;
- Hóa đơn tài chính và Bản sao Giấy chứng nhận chất lượng/kết quả thử nghiệm đã được cấp.

6. Đối với hỗ trợ chi phí đầu tư thiết bị và công nghệ:

- Hợp đồng mua bán dây chuyền, thiết bị, bản quyền công nghệ;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng; Hóa đơn GTGT; Tờ khai hải quan (nếu là hàng nhập khẩu).

V. CAM KẾT CỦA DOANH NGHIỆP

1. Cam kết sản phẩm làm ra đáp ứng đúng tiêu chuẩn kỹ thuật của đối tác.

2. Cam kết các chi phí kê khai là thực tế và phục vụ trực tiếp cho việc tham gia chuỗi cung ứng bán dẫn.

3. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)